TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DSST
Ngày: 17 – 3 – 2023.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Mới**

2. Ông **Phan Thanh Dũng**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV V

Địa chỉ: Số 221, Quốc lộ 1, khóm 1, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tạ V K,** Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Thùy L** (Có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Võ Minh T,** sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Ông **Võ Tuấn V,** sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 12/12/2019 ông Võ Minh T, Võ Tuấn V có thỏa thuận mua máy hàn hiệu Huyndai TIG 200 tại Công ty TNHH MTV V (gọi tắt là Công ty V) với giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Công ty V đã giao máy cho ông T, ông V theo Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019, đồng thời hai bên thỏa thuận ông T, ông V thanh toán sau 01 tháng kể từ ngày mua, tức ngày 12/01/2020. Dù đã ký nhận nợ nhưng ông T, ông V không thanh toán số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho Công ty V. Công ty V đã nhiều lần yêu cầu ông T, ông V trả số tiền nợ nhưng ông T, ông V cố tình lẫn tránh.

Nay Công ty V yêu cầu ông Võ Minh T, Võ Tuấn V trả số tiền nợ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất do Nhà nước quy định.

Sau khi Công ty V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ngày 26/8/2022 ông T, ông V đã trả cho Công ty V 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn nợ số tiền gốc 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 4.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2020 đến ngày 26/8/2022; Bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV V yêu cầu bị đơn ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V trả tiền còn nợ và tiền lãi theo phiếu xuất kho bán hàng nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán" thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Toà án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét nội dung trong Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019 là tự nguyện thỏa thuận, giao kết của các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, không trái với quy định pháp luật, đạo đức xã hội.

Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng đương sự từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy ông T, ông V đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty V đã giao hàng cho ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V theo Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019 nhưng ông T, ông V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận nên ông T, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, ngày 26/8/2022 ông T, ông V chỉ trả được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn nợ 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Vì vậy cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[3.2] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) kể từ ngày 13/01/2020 đến ngày 26/8/2022 với mức lãi suất quy định.

Theo thỏa thuận tại Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019 thì thời hạn thanh toán là 01 tháng tính từ bắt đầu ngày mua, tức ngày 12/01/2020. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật dân sự thì thời điểm ông T, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 13/01/2020.

Do các bên không thỏa thuận lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 13/01/2020 đến ngày 28/6/2022 là có lợi cho bị đơn, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 13/01/2020 đến ngày 26/8/2022 là: 6.000.000 đồng x 10%/ năm x 31 tháng 13 ngày = 1.571.370 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

[3.3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc ông Võ Minh T, Võ Tuấn V có nghĩa vụ trả cho Công ty V số

tiền còn nợ theo Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019 và tiền lãi kể từ ngày 13/01/2020 cho đến ngày 26/8/2022.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Điều 357; Điều 440; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV V.

2. Buộc ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV V số tiền 5.571.370 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng), bao gồm nợ theo Phiếu xuất kho bán hàng số BH191206 ngày 12/12/2019 là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tiền lãi 1.571.370 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh T, ông Võ Tuấn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV V được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005911 ngày 15/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí